

だい13か ぎょせんぎょぎょう1

第13課 漁船漁業1

Thuyền cá, nghề đánh cá 1

■ 目標 ■

説明を聞いたあと、わからなかったことを質問できる。

Sau khi nghe giải thích, có thể đặt câu hỏi về điều mình chưa hiểu.

やり方を聞いたあと、復唱して理解を示すことができる。

Sau khi nghe cách làm, có thể lặp lại và thể hiện mình đã hiểu.

作業のやり方について確認できる。

Các thể xác nhận về cách làm việc.

漁船漁業 I

Thuyền cá, nghề đánh cá I

■ 会話 I ■

アリフさんは船上で網入れについての説明を聞いています。

鈴木 さかなの むれを みつけたら、あみいれが はじまる。
魚の 群れを 見つけたら、網入れが 始まる。

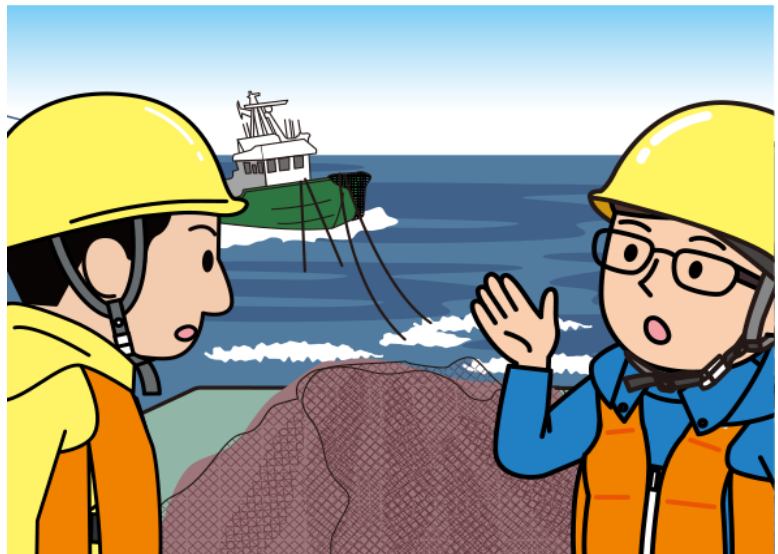
あみには ちかづくなよ。
網には 近づくなよ。

アリフ あのう… ちょっと わかりませんでした。
あのう… ちょっと わかりませんでした。

あみは いつ 入れますか。
網は いつ 入れますか。

鈴木 さかなの むれを みつけたら。
魚の 群れを 見つけたら。

そろそろ はじまるぞ。
そろそろ 始まるぞ。



漁船漁業 I

Thuyền cá, nghề đánh cá I

■ 会話 I ■

Anh Arif đang nghe giải thích về đặt lưới trên tàu.

Suzuki Nếu nhìn thấy đàn cá thì bắt đầu đặt lưới.

Không được đến gần lưới đấy.

Arif Dạ thưa... có điều tôi hơi không hiểu.

Khi nào đặt lưới ạ?

Suzuki Nếu nhìn thấy đàn cá.

Sắp sửa bắt đầu rồi đấy.

漁船漁業 I

Thuyền cá, nghề đánh cá I

■^{かいわ}会話2■

アリフさんはこれから網揚げをします。

鈴木 あみあげを するぞ。
網揚げを するぞ。

まずは あみを ひっぱれ。
まずは 網を 引っ張れ。

アリフ ひっぱります。
引っ張ります。

鈴木 おう、いいぞ。
おう、いいぞ。

それから、こうやって あみを さばけ。
それから、こうやって 網を 捌け。

アリフ こんな かんじて いいですか。
こんな 感じで いいですか。

鈴木 ああ。
ああ。



漁船漁業 I

Thuyền cá, nghề đánh cá I

■ 会話 2 ■

Anh Arif sau đây sẽ kéo lưới.

Suzuki Kéo lưới nào.

Trước tiên, hãy kéo lưới.

Arif Tôi kéo đây.

Suzuki Ồ, được đấy.

Sau đây, bành ra và xếp chông lưới lại như thế này.

Arif Như thế này được không ạ?

Suzuki Được.

■^{かいわ}会話3■

アリフさんは漁獲物の仕分けをしています。

鈴木 あじは この たんくに いれろ。
アジは この タンクに 入れろ。

ほかのは かごに わける。
ほかのは かごに 分ける。

アリフ はい。これは あじ…。
はい。これは アジ…。

すみません。
すみません。

これは この かごに いれたら いいですか。
これは この かごに 入れたら いいですか。

鈴木 かますか。きいろじゃなくて、あお。
カマスか。黄色じゃなくて、青。

アリフ あお。わかりました。
青。わかりました。



漁船漁業 I

Thuyền cá, nghề đánh cá I

■ 会話 3 ■

Anh Arif đang phân loại hải sản đánh bắt được.

Suzuki Cá nục hãy cho vào thùng này.

Các loại khác thì chia vào các sọt nhựa.

Arif Vâng. Đây là cá nục...

Xin lỗi anh.

Cá này thì nên cho vào sọt nhựa này phải không ạ?

Suzuki Cá nhồng à? Không phải màu vàng, mà là xanh dương.

Arif Màu xanh dương. Tôi hiểu rồi ạ.

■ ことば ■

	ことば	読み
1	魚	さかな
2	群れ	むれ
3	網入れ	あみいれ
4	近づく	ちかづく
5	網	あみ
6	網揚げ	あみあげ
7	引っ張る	ひっぱる
8	網を捌く	あみをさばく
9	アジ	あじ
10	タンク	たんく
11	かご	かご
12	分ける	わける
13	カマス	かます
14	黄色	きいろ
15	青	あお
16	出港 (する)	しゅっこう (する)
17	たも網	たもあみ
18	ロープ	ろーぷ
19	氷	こおり
20	サイズ	さいず
21	カニ	かに
22	海に戻す	うみにもどす
23		
24		
25		
26		
27		
28		
29		
30		

漁船漁業 I

Thuyền cá, nghề đánh cá I

■ ことば ■

	意味 ^{いみ}
1	Cá
2	Đàn
3	Đặt lưới
4	Đến gần
5	Lưới
6	Kéo lưới
7	Kéo
8	Bánh ra và xếp chồng lưới lại
9	Cá nục
10	Thùng
11	Sọt nhựa
12	Chia
13	Cá nhồng
14	Màu vàng
15	Màu xanh dương
16	Rời cảng (động từ)
17	Vợt
18	Dây thùng
19	Đá
20	Kích cỡ
21	Cua
22	Thả về biển
23	
24	
25	
26	
27	
28	
29	
30	

■ 応用練習 ■

④⑤にあなたが使う文を書きましょう。
指導員にチェックしてもらいましょう。

★ ぎもんし

あみは いつ 入れますか。

網は いつ 入れますか。

あしたは あさ なんじに しゅっこうしますか。

① 明日は 朝 何時に 出港しますか。

たもあみは どこに ありますか。

② たも網は どこに ありますか。

この さかなの なまえは なんですか。

③ この 魚の 名前は 何ですか。

④

⑤

★ ~たら いいですか

これは この かごに 入れたら いいですか。

これは この かごに 入れたら いいですか。

ろーぷは ここに まいたら いいですか。

① ロープは ここに 巻いたら いいですか。

たんにくにごおりと みずを 入れたら いいですか。

② タンクに 氷と 水を 入れたら いいですか。

この サイズの かには うみに もどしたら いいですか。

③ この サイズの カニは 海に 戻したら いいですか。

④

⑤

■ 応用練習 ■
おうよう れんしゅう

Hãy viết câu mà bạn dùng vào (4)(5).

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.

★ ぎもんし

Khi nào đặt lưới ạ?

- ① Ngày mai, buổi sáng sẽ rời cảng khi nào ạ?
- ② Vợt ở đâu ạ?
- ③ Tên của cá này là gì ạ?
- ④
- ⑤

★ ~たら いいですか

Cá này thì nên cho vào sọt nhựa này phải không ạ?

- ① Dây thùng nên quấn ở đây phải không ạ?
- ② Nên cho đá và nước vào thùng phải không ạ?
- ③ Cua với kích cỡ này thì nên thả về biển phải không ạ?
- ④
- ⑤

わたしの かいわ

モデル^{かいわ}会話を^{さんこう}参考にして、^{かいわ}会話を^か書きましょう。

^{しどういん}指導員にチェックしてもらいましょう。

Hãy tham khảo đoạn hội thoại mẫu và viết hội thoại.

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.